TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN KHÁNH** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13/2021/QĐST- HNGĐ	*Yên Khánh, ngày 01 tháng 3 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 01/2021/ TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 về việc "Ly hôn" giữa:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Minh H - Sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn Yên C 1, xã Khánh C, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- **Bị đơn:** Anh Đỗ Văn T - Sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn Yên C 1, xã Khánh C, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào các Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 02 năm 2021;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành 19 tháng 02 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đ□ơng sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị Minh H và anh Đỗ Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể nh□ sau:

2.1 Về con: Chị Bùi Thị Minh H và anh Đỗ Văn T có 02 người con chung là cháu Đỗ Ngọc T, sinh ngày 26/6/1995 và cháu Đỗ Lan P, sinh ngày 21/02/2001. Hiện tại cháu T và cháu P đều đã trưởng thành và tự lập được cuộc sống, nay ly hôn chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Bùi Thị Minh H và anh Đỗ Văn T không có con riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

***2.2. Về tài sản*:** Chị Bùi Thị Minh H và anh Đỗ Văn T đều thống nhất để tự thỏa thuận phân chia về tài sản chung. Còn về tài sản riêng và công nợ không có. Nay ly hôn chị H và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Bùi Thị Minh H nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí thuận tình ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước. Được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0002310 ngày 04/01/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Hoàn trả lại cho chị Bùi Thị Minh H số tiền là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ□ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Yên Khánh.
- Chi cục THADS huyện Yên Khánh.
- UBND xã Khánh C.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

Vũ Nhật Trung